

KHOA ĐỊA LÝ

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA ĐỊA LÝ GIAI ĐOẠN 2011- 2015

I. KHOA ĐỊA LÝ – SƠ LƯỢC QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Năm 1955, Ban Sử - Địa được thành lập tại Viện Đại học Sài Gòn.
- Năm 1963, Ban Địa lý thuộc Đại học Văn khoa (Faculty of Letters) ra đời. Ban Địa lý hoạt động với tư cách độc lập, gồm có 11 giảng viên cơ hữu có học hàm và học vị cao. Từ năm 1966, Ban Địa lý bắt đầu mở chương trình đào tạo Cao học, và từ 1970 đào tạo chương trình đào tạo Tiến sĩ đệ tam cấp.
- Sau năm 1975, Ban Địa Lý cũ được tiếp quản và từ năm 1977 được đổi thành Bộ môn Địa lý trực thuộc Trường Đại học Tổng hợp TP HCM, đào tạo Cử nhân Khoa học Địa lý theo hai chuyên ngành: Địa lý Tự nhiên và Địa lý Kinh tế. Đến năm 1990, Bộ môn Địa lý được chuyển thành Khoa Địa lý thuộc Trường Đại học Tổng hợp TP HCM.
- Từ tháng 3 năm 1996, sau khi tách trường, Khoa Địa lý trở thành một trong những khoa thành viên của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thuộc Đại học Quốc gia TP HCM.

II. CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

- ❖ **Ở bậc đại học**, hiện nay Khoa Địa lý có 2 ngành đào tạo Cử nhân Khoa học là:
 - **Địa lý học**, với 05 chuyên ngành là Địa lý Môi trường, Địa lý Kinh tế & Phát triển vùng, Địa lý Dân cư & Xã hội, Địa lý Du lịch và Bản đồ - Viễn thám & GIS.
 - **Du lịch**, với 3 chuyên ngành là Hướng dẫn du lịch, Quản trị lữ hành và Quản trị nhà hàng – khách sạn – resort.
- ❖ **Ở bậc Sau đại học**, Khoa Địa lý đào tạo Tiến sĩ 01 chuyên ngành là Bảo vệ và Sử dụng Tài nguyên Môi trường; đào tạo Thạc sĩ thuộc 03 chuyên ngành là: (1) Bảo vệ và Sử dụng Tài nguyên Môi trường (2) Địa lý học trừ Địa lý tự nhiên và (3) Chính sách công trong quản lý môi trường.
- ❖ Ngoài ra, Khoa còn chức năng nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo.

III. THỰC TRẠNG

III.1. Bộ máy tổ chức

Tính đến tháng 08/2011, tổng số CBVC của Khoa là 39, trong đó có:

- 04 tiến sĩ,
- 29 thạc sĩ (trong đó 7 đang làm nghiên cứu sinh, 01 là hợp đồng khoán)
- 06 cử nhân (trong đó 3 đang học cao học trong nước + 1 đang học cao học ở nước ngoài + 02 chuyên viên)

Các giảng viên mới được tuyển dụng đều đã/đang học cao học theo qui định của trường. Hầu hết đều rất tích cực trong việc nâng cao trình độ, học ngoại ngữ.

III.2. Đào tạo

Đào tạo bậc đại học

Bên cạnh ngành Địa lý, từ năm học 2010, Khoa được ĐHQG cho phép đào tạo cử nhân ngành Du lịch. Hiện nay, Khoa đảm nhiệm đào tạo cử nhân cho 2 ngành này ở ba hệ: chính quy, VLVH và văn bằng 2.

Năm học 2010 - 2011, Khoa có 878 sinh viên chính quy, phân theo từng khóa như sau:

- Năm I: 278 (gồm 165 sinh viên ngành Địa lý và 113 sinh viên ngành Du lịch)
- Năm II: 154
- Năm III: 212
- Năm IV: 234

và 260 sinh viên hệ VLVH tại 3 cơ sở Nha Trang, Cần Thơ và TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Khoa còn liên kết với trường ĐH Pau (Cộng hòa Pháp) và Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF) để mở chương trình đào tạo cấp 2 bằng cử nhân (song ngữ) từ năm học 2010. Số sinh viên theo học chương trình này trong năm học 2010 – 2011 là: 55, trong đó:

- Năm I: 23
- Năm II: 14
- Năm III: 14
- Năm IV: 04

Đào tạo Sau Đại học:

Năm 1998 Khoa Địa Lý được tuyển sinh khóa Cao học đầu tiên theo chuyên ngành “Bảo vệ, sử dụng hợp lý và tái tạo tài nguyên thiên nhiên”. Từ khóa 2005, chuyên ngành này được đổi tên thành “Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường”.

Đến năm 2004, Khoa được phép mở một chuyên ngành đào tạo cao học mới là “Địa Lý học” (trừ Địa Lý tự nhiên).

Trong năm học 2010-2011, số học viên cao học của 2 chuyên ngành còn trong thời gian học tập tại khoa là:

Khóa 2006: trúng tuyển 13	đã bảo vệ 10 (76,9%)
Khóa 2007: trúng tuyển 13	đã bảo vệ: 7 (53,9%)
Khóa 2008: trúng tuyển 13	đã bảo vệ: 3
Khóa 2009: trúng tuyển 10	
Khóa 2010: trúng tuyển 12	
Khóa 2011: trúng tuyển 7	

Về đào tạo tiến sĩ, Khoa hiện có 8 nghiên cứu sinh (trong hạn) chuyên ngành Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường. Trong năm học 2010 – 2011 có 03 nghiên cứu sinh đã bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn; 3 NCS bảo vệ thành công luận án cấp trường.

Về chất lượng đào tạo

- ❖ Chương trình đào tạo Sau đại học hiện nay đã thể hiện là sự tiếp nối liên tục xuyên suốt và nâng cao hơn chương trình đào tạo đại học
- ❖ Huy động được sự tham gia giảng dạy, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp của nhiều giảng viên có kinh nghiệm, có uy tín của nhiều Trường, Viện.
- ❖ Hướng nghiên cứu đa dạng, mang tính liên ngành cao. Số lượng báo cáo khoa học được trình bày tại Hội nghị khoa học cấp Trường và cấp Khoa hàng năm của NCS và học viên cao học đều chiếm tỷ lệ cao.
- ❖ Nhiều học viên sau khi tốt nghiệp đã được đề bạt vào các chức vụ quan trọng tại cơ quan công tác.

Về quản lý đào tạo

- Từ năm học 2009-2010, chuyển sang tổ chức đào tạo và quản lý bậc cao học theo học chế tín chỉ. Thường xuyên rà soát chương trình để có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời.
- Phối hợp cùng Phòng Sau đại học – QLKH, Khoa thường xuyên theo dõi việc học tập, làm luận văn tốt nghiệp của học viên cao học.
- Tổ chức hàng năm các Hội nghị Khoa học Trẻ, Hội nghị Khoa học cấp Khoa, tạo cơ hội cho NCS và học viên cao học được trình bày các kết quả nghiên cứu của mình.

III.3. Nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu của các giảng viên trong Khoa:

Hoạt động nghiên cứu của các cán bộ Khoa Địa Lý đã được duy trì một cách thường xuyên. Trong năm học 2010-2011, Khoa Địa Lý tham gia hoàn thành 1 đề tài cấp Nhà Nước là “Lịch sử hình thành và phát triển vùng Nam bộ”; nghiệm thu 2 đề tài cấp ĐHQG.

Các cán bộ Khoa Địa lý còn tham gia xây dựng các đề án nghiên cứu về các chủ đề kinh tế - xã hội, môi trường, GIS và biến đổi khí hậu với các trường đại học ở Đức,

Nhật và Pháp. Bên cạnh đó, các cán bộ của Khoa còn tham gia các đề tài nghiên cứu các địa phương khác để nâng cao năng lực và kỹ năng nghiên cứu của mình.

Nghiên cứu của sinh viên:

Đây là thế mạnh của Khoa Địa Lý, các đề tài nghiên cứu của sinh viên của Khoa đều đạt các giải thưởng cấp Bộ, Thành phố (giải thưởng Eureka) và cấp Trường hàng năm. Cụ thể: trong năm 2010-2011 đã có 10 đề tài NCKH của sinh viên đã được thực hiện, trong đó có 5 đề tài được chọn báo cáo tại Hội nghị khoa học sinh viên, 2 đề tài được khen thưởng cấp Bộ, 1 đề tài đạt giải ba cấp Thành phố và 7 đề tài được đề nghị khen thưởng cấp trường.

III.4. Đối ngoại - Hợp tác quốc tế

- Trong năm học 2010-2011, Khoa đã đón 12 đoàn khách và cá nhân nước ngoài, trong đó: 02 giảng viên có tham gia báo cáo chuyên đề cho sinh viên, học viên cao học và giảng viên, 02 thảo luận về các chương trình hợp tác đào tạo; 04 hợp tác xây dựng đề án nghiên cứu; 01 NCS và 03 sinh viên đến thực tập đề làm đề tài tốt nghiệp.
- Đối tác chiến lược: Pháp, Anh, Đức, Nhật, Canada.
- Về phía Việt Nam: Khoa có mối quan hệ hợp tác thường xuyên với Khoa Địa Lý ĐHQG TP.HCM, Khoa Địa Lý – ĐHKHTN Hà Nội, Khoa Du Lịch học – ĐHKHXH&NV Hà Nội, Khoa Du Lịch – ĐH Văn Lang, Khoa Du Lịch – ĐH Huế, Viện Địa Lý Tài nguyên TP.HCM; liên kết đào tạo với Trung Tâm Đại học tại chức Cần Thơ, Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang.

III.5. Công tác chính trị - tư tưởng, công tác sinh viên

- Hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa của sinh viên. Phối hợp cùng phòng CTSV trong việc thông báo, hướng dẫn các thủ tục để xin cấp học bổng cho sinh viên.
- Tổ chức Ngày hội hướng nghiệp cho sinh viên, vận động cựu sinh viên giúp đỡ các sinh viên nghèo hiếu học, tiếp nhận sinh viên đến thực tập. Phối hợp với các cơ quan, tạo điều kiện cho sinh viên được tham gia vào các sự kiện quan trọng tại thành phố như Ngày hội du lịch, Tuần lễ ĐBSCL, cuộc vận động người Việt dùng hàng Việt...
- Hỗ trợ Đoàn khoa và Hội Sinh viên trong các hoạt động thường niên: Giải Bóng đá mở rộng, Hội trại mừng tân sinh viên, mừng ngày 20/11...
- Khoa tổ chức các buổi gặp mặt và nói chuyện với sinh viên: giới thiệu cách thực hiện đề tài NCKH, hướng dẫn chọn chuyên ngành, ...

III.6. Đảm bảo chất lượng

- Khoa đã phân công cán bộ chuyên trách, thường xuyên theo dõi các thông tin để phổ biến kịp thời cho toàn thể cán bộ của Khoa.
- Rà soát lại việc thực hiện các quy trình của các bộ phận nghiệp vụ của Khoa.
- Tham gia Hội nghị chất lượng của Trường, tổng kết hoạt động KSCL của Khoa trong 2 năm qua.

IV. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA

IV.1. Cơ hội

- Quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra sâu rộng trong các lĩnh vực của đời sống và mục tiêu phát triển bền vững (tăng trưởng kinh tế - công bằng xã hội – bảo vệ môi trường - đa dạng văn hóa) mở ra những hướng nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo mới. Trong bối cảnh mới này, Khoa học địa lý có nhiều cơ hội tham gia và thể hiện nhờ tư duy không gian, tính tổng hợp và liên ngành.
- Quá trình phát triển đất nước tạo ra nhiều cơ hội cho công tác nghiên cứu của giảng viên cũng như cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Trường ĐHKHXH&NV định hướng phát triển thành ĐH nghiên cứu, ngày càng hoàn thiện hình thức đào tạo sang hệ Tín chỉ, phù hợp với xu hướng chung của các trường đại học trên thế giới.

IV.2. Thách thức

- Việc chuyển đổi định hướng nghiên cứu và hình thức đào tạo cần tương thích với những tiêu chuẩn đã được công nhận của thế giới. Quá trình chuyển đổi này đòi hỏi thay đổi công cụ, phương thức tiến hành, quản lý (xây dựng khung chương trình đào tạo hệ tín chỉ, xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh...), nhận thức của giảng viên, sinh viên (tinh thần hội nhập, đổi mới phương pháp giảng dạy...) và cơ sở vật chất tương thích.
- Sinh viên có nhiều cơ hội nghề nghiệp hơn nhưng đồng thời phải đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của thị trường lao động ngày càng cạnh tranh gay gắt. Chương trình đào tạo cần có những điều chỉnh (kiến thức chuyên môn và kỹ năng làm việc, ý thức trách nhiệm) để đáp ứng với những xu hướng, yêu cầu của thị trường lao động trong tình hình, điều kiện mới.
- Hầu hết các giảng viên đều bị quá tải trong công tác giảng dạy, quản lý Khoa và Bộ môn, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu và thực tập nên thời gian dành cho nghiên cứu khoa học và tự đào tạo còn hạn hẹp. Kinh phí phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu còn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, các nguồn thu từ các dự án hợp tác và đào tạo chưa nhiều để có thể nâng cao thu nhập, tạo điều kiện cho CBNV yên tâm đầu tư cho nghiên cứu khoa học và tự đào tạo.

IV.3. Điểm mạnh của khoa Địa lý

- Tư duy không gian, tính liên ngành, tổng hợp (tự nhiên, xã hội-nhân văn, công nghệ)
- Giảng viên trong khoa được đào tạo ở nhiều nước khác nhau, tạo cơ hội cho việc mở rộng, đa dạng hóa trong hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Đa số giảng viên của Khoa có kỹ năng tin học và ngoại ngữ tốt.
- Sự đoàn kết nội bộ, tinh thần trách nhiệm, biết hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm, chia sẻ thông tin của cán bộ giảng viên khoa Địa lý.

IV.4. Điểm yếu

- Nhân sự tuy trẻ hóa nhưng khả năng ngoại ngữ (chưa kể tri thức khoa học) không tốt như những thế hệ trước.
- Các quan hệ hợp tác của Khoa tuy nhiều, nhưng chưa thật sự thu hút sự tham gia của nhiều thành viên trong Khoa, cũng như chưa mang lại các hiệu quả về tài chính đủ để “tái đầu tư” vào các hoạt động của Khoa.

V. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA GIAI ĐOẠN 2011- 2015

V.1. Phát triển nhân lực:

Mục tiêu chung: Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên về giảng dạy nghiên cứu khoa học. Nâng cao chất lượng đội ngũ chuyên viên

Mục tiêu cụ thể:

- o Tăng số lượng giảng viên có bằng tiến sĩ
- o Từ năm học 2011 - 2012: toàn bộ giảng viên có bằng thạc sĩ
- o Giảm tỷ lệ sinh viên/ giảng viên (hiện nay là 22SV/GV, phần đầu đến 2015 đạt 18SV/GV)
- o Tăng số lượng chuyên viên phục vụ giảng dạy và nghiên cứu (từ 2 đến 3).

Giải pháp:

- o Khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ hoàn tất chương trình cao học và được thi công chức đúng hạn.
- o Xem xét giữ lại sinh viên giỏi cho các chuyên ngành đang có nhu cầu (ưu tiên ĐL kinh tế, Du lịch). Thu hút NCS bảo vệ TS thành công về làm việc tại Khoa.
- o Thông qua các chương trình hợp tác để gửi cán bộ đi học sau đại học ở nước ngoài, ưu tiên cho việc tìm các học bổng làm NCS ở nước ngoài. Tạo điều kiện để GV thi và làm NCS (thông qua việc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu trong nước).

- o Từng bước tuyển các chuyên viên chuyên trách công tác học vụ, chuyên nghiệp hóa các hoạt động hành chính của Khoa.
- o Kiên quyết thực hiện qui định hậu tuyển dụng đối với cán bộ mới tuyển dụng và cán bộ không tích cực bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

Chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	2010 - 2011	2011- 2012	2012 -2013 (đã tách BM Du lịch)	2013 - 2014	2014 - 2015	Điều kiện
Tiến sĩ	4	5	7	9	12	
Thạc sĩ	29	33	23	22	21	
Cử nhân	4	0	0	0	0	
Chuyên viên	2	3	3	2	2	
Tổng số	39	41	33	33	35	

Một trong những công tác trọng điểm về tổ chức trong giai đoạn tới là chuẩn bị cho việc tách bộ môn Du lịch hoạt động độc lập từ năm học 2012-2013. Các kế hoạch hoạt động cụ thể sẽ do Bộ môn Du lịch xây dựng trong quá trình chuẩn bị tách bộ môn. Trong bản kế hoạch chiến lược này, chúng tôi chỉ trình bày một số định hướng về nhân sự và qui mô đào tạo cho ngành Du lịch.

Bộ môn Du lịch:

Chỉ tiêu	2010 - 2011	2011- 2012	2012 - 2013 (BM Du lịch mới)	2013 - 2014	2014 - 2015	Điều kiện
Tiến sĩ			3	5	6	
Thạc sĩ			10	11	12	
Chuyên viên			2	2	2	
Tổng số			15	18	20	

V.2. Đào tạo

V.2.1. Đào tạo bậc đại học

Mục tiêu: Nâng cao chất lượng đào tạo của khoa và 5 chuyên ngành (thuộc ngành Địa lý) theo mục tiêu chung của nhà trường là rèn luyện cho sinh viên khả năng ứng dụng các kiến thức của các chuyên ngành và kỹ năng làm việc liên ngành trong môi trường thực tế (các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ quan các cấp thuộc nhà nước, tổ chức phi chính phủ...).

Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thiện việc chuyển đổi sang học chế tín chỉ
- Xây dựng chương trình đào tạo mới, phù hợp với nhu cầu xã hội
- Tăng cường tính liên thông trong đào tạo.
- Đánh giá các chương trình liên kết đào tạo, mở rộng hợp tác trong đào tạo

Giải pháp:

- Định kỳ rà soát, cải tiến các chương trình giáo dục:
 - o Xem xét và phân bổ lại một cách hợp lý cấu trúc môn học và thời lượng của 2 giai đoạn đại cương và chuyên ngành, đưa thêm các môn học mới cho phù hợp với và đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động
 - o Tăng cường khối kiến thức các môn kỹ năng hỗ trợ (công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng truyền thông – trình bày – thảo luận, giao tiếp xã hội, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm
- Đổi mới phương pháp dạy và học (theo hướng giải quyết vấn đề, người phụ trách môn học vừa là người giảng dạy vừa là người hướng dẫn học tập)
- Rà soát bổ sung giáo trình, tài liệu học tập. Khuyến khích giảng viên của Khoa đăng ký biên soạn tài liệu học tập.

- Tạo điều kiện để SV đi thực tập nghề nghiệp (internship), thực tập thực tế một cách có hiệu quả hơn.
- Tham khảo ý kiến đóng góp của những nhà tuyển dụng, cựu SV để có hướng điều chỉnh chương trình cho phù hợp.
- Kiện toàn đội ngũ cố vấn học tập, giáo vụ và giáo viên chủ nhiệm để hỗ trợ tốt nhất cho sinh viên và giảng viên.

Chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	2011 - 2012	2012- 2013	2013 -2014 (đã tách BM Du lịch)	2014 - 2015	Điều kiện
Chương trình đào tạo (Địa lý)	5	5	5	5	
(ngành Du lịch)	3	3			
Số sinh viên chính quy (Địa lý)	730	667	600	620	
(ngành Du lịch)	220	300	400	400	
Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn*	62%	65%	75%	80%	
Lấy ý kiến của các CQ tuyển dụng (lần)	1		1		Theo đúng quy định 2năm/ lần
Rà soát chương trình đào tạo	1		1		Theo quy định
Cải tiến CTĐT		1		1	
Chương trình liên kết đào tạo	1	1	2	2	
VLVH, Văn bằng 2	Duy trì số lượng hợp lý, tăng cường chất lượng				
Seminar, hội thảo về Đổi mới phương pháp giảng dạy	2	3	2	2	
Tăng cường đội ngũ phục vụ giảng dạy	2	3	3	3	
Giáo trình (% môn học có giáo trình điện tử, hoặc giáo trình do GV biên soạn)	60%	70%	80%	90%	

Bộ môn Du lịch:

Chỉ tiêu	2011 - 2012	2012- 2013	2013 - 2014 (BM Du lịch mới)	2014 - 2015	Điều kiện
Số chương trình đào tạo (ngành Du lịch)	3	3	3	3	
Số sinh viên chính quy (ngành Du lịch)	220	300	400	400	
Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn*				70%	
Lấy ý kiến của các	1		1		Theo đúng quy

* Tốt nghiệp “đúng thời hạn” ở đây để chỉ những sinh viên tốt nghiệp sau 7-8 học kỳ, kể từ khi trúng tuyển.

* Tốt nghiệp “đúng thời hạn” ở đây để chỉ những sinh viên tốt nghiệp sau 7-8 học kỳ, kể từ khi trúng tuyển.

CQ tuyển dụng (lần)					định 2năm/ lần
Rà soát chương trình đào tạo	1		1		Theo quy định
Cải tiến CTĐT		1		1	
VLVH, Văn bằng 2	Duy trì số lượng hợp lý, tăng cường chất lượng				
Tăng cường đội ngũ phục vụ giảng dạy	2	3	3	3	
Giáo trình (% môn học có giáo trình điện tử, hoặc giáo trình do GV biên soạn)	60%	70%	80%	90%	

V.2.2. Đào tạo sau đại học

Mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng đào tạo, rà soát chuẩn hóa lại chương trình, thay thế các môn học có nội dung gần với chương trình cử nhân bằng những môn học mang tính tổng hợp, tính liên ngành cao hơn.
- Tăng cường kỹ năng nghiên cứu; tăng cường các môn công cụ, phục vụ cho điều tra khảo sát, phân tích và ứng dụng các kết quả nghiên cứu.
- Kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo sau đại học
- Tăng cường tính liên thông ở ĐHQG trong đào tạo và nghiên cứu.

Giải pháp:

- Khuyến khích NCS và học viên cao tham gia thường xuyên vào các hoạt động học thuật của Khoa, tham gia một cách chủ động chứ không chỉ xem đây là một nhiệm vụ bắt buộc
- Gắn kết đề tài các cấp với các đề tài luận văn, luận án.
- Khuyến khích các cán bộ đầu đàn nhận học viên cao học tham gia vào các đề tài nghiên cứu lớn, dành một phần trong các đề tài này cho NCS và học viên làm đề tài tốt nghiệp
- Mời các chuyên gia trong nước với các lãnh vực liên quan đến các nội dung nghiên cứu và đào tạo của Khoa tham gia các buổi trao đổi và seminar với sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong Khoa
- Tập hợp các bài viết của NCS và học viên cao trong một số chuyên đề về Địa lý của tập san Khoa học Xã hội và Nhân văn của trường hoặc của Đại học Quốc gia. Khuyến khích NCS, học viên cao học tham gia các hội nghị ngoài trường, kể cả các hội nghị quốc tế, với tư cách là học viên của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- Thường xuyên tổ chức hội nghị khoa học sinh viên, hội nghị khoa học trẻ
- Mở thêm các chuyên ngành sau đại học mới (đào tạo thạc sĩ Du lịch, tiến sĩ chuyên ngành Địa lý học) đồng thời tích cực giới thiệu các chương trình đào tạo sau Đại học của Khoa với các Trường, Viện, các địa phương nhằm thu hút thêm nhiều người học.
- Liên kết đào tạo: thạc sĩ Chính sách công về bảo vệ môi trường (ĐH Duke, Hoa Kỳ, với sự phối hợp của các trường thành viên ĐHQG), Quy hoạch lãnh thổ và Hệ thống thông tin địa lý (Đại học Pau (Pháp) và ĐH Québec tại Montreal, với sự hỗ trợ của Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF).

Chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	Điều kiện
Chuyên ngành đào tạo bậc thạc sĩ	2	3	3	3	3	
Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ	1	1	1	1	2	

V.3. Nghiên cứu khoa học

Mục tiêu:

(1) Về hướng nghiên cứu

Với mục đích gắn kết trọng điểm nghiên cứu của ĐHQG-HCM và nhà trường với thế mạnh của Khoa Địa lý về nghiên cứu ứng dụng, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Khoa trong thời gian tới bao gồm:

1- Môi trường:

- o Sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường
- o Giáo dục môi trường

2- Dân số-xã hội:

- o Đô thị hoá và các vấn đề xã hội tại các vùng lãnh thổ
- o Di dân và các tác động kinh tế, văn hoá và xã hội đối với các vùng lãnh thổ

3- Kinh tế và phát triển vùng:

- o Tổ chức và phân bố sản xuất theo lãnh thổ
- o Đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường của các khu công nghiệp và làng nghề truyền thống
- o Khu vực kinh tế phi chính qui

5- Ứng dụng GIS và viễn thám trong công tác qui hoạch và quản lý lãnh thổ, quản lý môi trường.

6- Biến đổi khí hậu:

- o Nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu
- o Đánh giá và giảm thiểu các tác động kinh tế xã hội của biến đổi khí hậu

2- Du lịch:

- o Điều tra cơ bản tài nguyên du lịch các vùng lãnh thổ
- o Quy hoạch lãnh thổ và Chiến lược phát triển du lịch
- o Thiết kế tuyến điểm cho các chương trình du lịch
- o Các vấn đề du lịch và phát triển bền vững

Các hướng nghiên cứu trên chủ yếu thực hiện tại TP.HCM, Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

(2) Về xây dựng năng lực nghiên cứu

- Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh và môi trường học thuật phát triển.
- Xây dựng và tham gia các chương trình khoa học trong lĩnh vực môi trường, biến đổi khí hậu, du lịch, kinh tế, dân số-xã hội, các đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm của ĐHQG-HCM và các trung tâm, viện nghiên cứu, của TP.HCM và các địa phương Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
- Tăng cường hiệu quả ứng dụng của hoạt động nghiên cứu khoa học.

(3) Về gắn kết nghiên cứu với đào tạo

- Gắn hoạt động đào tạo, đặc biệt đào tạo sau đại học, với hoạt động nghiên cứu khoa học của khoa/bộ môn, của giảng viên hướng dẫn học viên, sinh viên.
- Ưu tiên thực hiện các đề tài gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo; các đề tài có sự tham gia của sinh viên, học viên sau đại học và giảng viên trẻ.
- Kết quả nghiên cứu của các công trình sau khi được nghiệm thu sẽ được sử dụng làm tài liệu giảng dạy và học tập, phục vụ cho công tác đào tạo.

(4) Về công bố đề tài khoa học

- Thúc đẩy công bố các công trình trên các tạp chí khoa học, đặc biệt là các tạp chí khoa học của khu vực và quốc tế; nâng cao chất lượng khoa học của các bài báo công bố trên các tạp chí chuyên ngành, các tạp san khoa học trong nước và quốc tế.
- Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền sở hữu tài sản theo đúng qui định pháp luật

Giải pháp:

(1) Về hướng nghiên cứu

- 1- Tham gia đề tài nghiên cứu các cấp
- 2- Tham gia đề tài nghiên cứu với các cơ quan và đơn vị ngoài trường
- 3- Tổ chức điều đặn và nâng cấp hội thảo khoa học Khoa.
- 4- Ưu tiên thực hiện các nghiên cứu gắn liền với hướng nghiên cứu của Khoa

(2) Về xây dựng năng lực nghiên cứu

- 1- Tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để nâng cao năng lực nghiên cứu cho các cán bộ trẻ trong Khoa
- 2- Mời các chuyên gia trong nước với các lãnh vực liên quan đến các nội dung nghiên cứu của Khoa tham gia các buổi trao đổi với cán bộ trong Khoa
- 3- Tổ chức các hội thảo chuyên đề để chia sẻ kinh nghiệm với các chuyên gia bên ngoài
- 4- Liên kết các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ nước ngoài và các nhà khoa học quốc tế trong nghiên cứu khoa học.
- 5- Chú trọng các nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu có hỗ trợ đào tạo cán bộ trẻ.
- 6- Có năng lực nghiên cứu là một trong các chỉ tiêu xem xét sinh viên giữ lại Khoa
- 7- Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học bằng các dự án trong nước và nước ngoài.

(3) Về công bố đề tài khoa học

- 1- Các đề tài nghiên cứu khoa học trong và sau khi nghiệm thu phải tiến hành rút các kết quả chính từ đề tài để công bố 1 hoặc 2 bài trên tạp chí khoa học trong nước và/hoặc quốc tế.
- 2- Công bố tóm tắt nội dung các luận văn, luận án trên trang web của trường; khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu rút ra từ các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.
- 3- Cập nhật và thông báo các văn bản liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Chỉ tiêu

(1) Đề tài nghiên cứu khoa học các cấp

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	Tổng số	Điều kiện
Đề tài cấp Nhà Nước						
Đề tài cấp trọng điểm ĐHQG			1	1	2	
Đề tài cấp ĐHQG	2	2	2	2	8	
Đề tài cấp tỉnh			1	1	2	
Đề tài cấp cơ sở	2	3	4	4	8	

(2) Xây dựng năng lực nghiên cứu

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Số lượng các nhóm nghiên cứu	1	1	2	2
Số CBGV tham gia	20	25	25	25
Số công trình khoa học đạt được (của nhóm nghiên cứu)		2	2	2

(3) Công bố kết quả nghiên cứu khoa học

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Công bố trên tập san của Trường	3	4	5	5
Công bố trên Tạp chí Phát triển KH-CN-ĐHQG-HCM	1	2	2	2
Công bố trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước	1	2	2	2
Công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế	1	2	2	2

(4) Hội nghị/hội thảo khoa học

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Hội thảo cấp khoa	1		1	
Hội thảo cấp trường		1		
Hội thảo cấp quốc gia				
Hội thảo cấp quốc tế				1

(5) Số lượng báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo khoa học

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Số báo cáo tham gia hội thảo cấp khoa	5	6	7	8
Số báo cáo tham gia hội thảo cấp trường	2	2	2	2
Số báo cáo tham gia hội thảo cấp quốc gia		1	1	1
Số báo cáo tham gia hội thảo cấp quốc tế	1	1	2	2

(3) Gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Tỉ lệ các khóa luận, luận văn và luận án có liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu khoa học		50%	70%	80%

(8) Nghiên cứu khoa học của sinh viên

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Số lượng đề tài thực hiện	12	14	15	15
Số lượng sinh viên tham gia	60	70	80	80
Thành tích đoạt giải cấp Bộ	1	1	1	1
Thành tích đoạt giải cấp TP	1	1	1	1

V.4. Hợp tác quốc tế

Mục tiêu:

- Phát huy thế mạnh trong hợp tác quốc tế để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Khoa,

- Tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên của Khoa tiếp cận với môi trường đại học của các nước khác (dự hội thảo, học tập ngắn hạn, học sau đại học...)

Giải pháp:

- củng cố các mối quan hệ hợp tác sẵn có của Khoa với các trường ĐH Pháp, Đức, Nhật và Canada.
- Tìm kiếm các đối tác mới trong khu vực (Thái Lan, Campuchia, Philippines, Đài Loan).
- Khuyến khích giảng viên của Khoa nâng cao trình độ ngoại ngữ.
- Công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế, tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế.
- Các chương trình trao đổi sinh viên

Chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Chương trình hợp tác đào tạo	1	1	2	2
Đề tài NCKH hợp tác	2	1	1	1
Tiếp nhận NCS, học viên cao học	5	5	5	5
Tổ chức hội thảo quốc tế				1
Số lượt CB đi trao đổi, công tác nước ngoài	3	3	3	3

V.5. Công tác chính trị tư tưởng, công tác sinh viên và xây dựng văn hoá đại học

Mục tiêu chung: Tạo môi trường chính trị - xã hội tốt để CBVC, sinh viên, học viên trong khoa công tác, học tập, rèn luyện; hình thành và phát triển văn hoá đại học của Trường ĐHKHXH&NV.

V.5.1. Công tác chính trị - tư tưởng:

Mục tiêu cụ thể:

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Chi bộ và các tổ chức trong khoa.
- Giáo dục, nâng cao ý thức công dân, bản lĩnh chính trị của các thành viên trong khoa, tạo sự thống nhất về tư tưởng, lập trường chính trị trong CBVC theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật và Nhà nước.
- Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự kỷ cương, an toàn xã hội;

Nhóm giải pháp:

- Củng cố và nâng cao ý thức công dân, bản lĩnh chính trị trong CBVC
- Thông qua việc tham gia các hoạt động bổ ích, các lớp tập huấn, sinh hoạt chính trị; phát huy tinh thần dân chủ, tính năng động, sáng tạo của CBVC, phát huy tốt tinh thần “kỷ cương – trách nhiệm - dân chủ - lợi ích”.
- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Chi bộ, vai trò quản lý của Ban Chủ Nhiệm, Tổ trưởng các tổ bộ môn, vai trò giám sát của Công đoàn khoa đối với các hoạt động của khoa.
- Đề nghị khen thưởng, biểu dương, động viên kịp thời những tấm gương tốt; nhắc nhở các tình trạng thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật, ý thức công dân kém trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội; tăng cường đối thoại, giải quyết nhanh chóng, có tình có lý các vụ khiếu nại, tố cáo; tiếp tục gìn giữ mối quan hệ đối với CBVC nghỉ hưu.

Chỉ tiêu:

- Vận động các CBVC tham gia các hoạt động của trường như: sự kiện nhằm quảng bá hình ảnh của trường; không thực hiện quảng cáo tràn lan; chấp hành tốt các nội quy, quy chế, các quy định về tiết kiệm, phòng cháy chữa cháy, cấm hút thuốc lá trong khuôn viên của trường.
- Giải quyết 100% các ý kiến khiếu nại và thông tin phản ánh của CBVC và sinh viên về hoạt động của khoa; tạo điều kiện cho BCH đoàn, Hội SV của khoa tổ chức cho SV đối thoại với lãnh đạo khoa. (định kỳ hàng năm)

- Thường liên hệ với các CBVC nghỉ hưu, thông qua việc tham khảo ý kiến, mời dự các dịp lễ, hè, ...

V.5.2. Công tác sinh viên:

Mục tiêu cụ thể:

- Tạo môi trường chính trị, xã hội tốt để sinh viên khoa học tập, rèn luyện.
- Hoàn thiện cơ cấu quản lý, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các CB trợ lý khoa, trong công tác tư vấn sinh viên, chuẩn hoá về văn bản khoa.
- Duy trì và mở rộng các mối quan hệ với cơ quan, doanh nghiệp để tạo thêm nguồn lực cho các hoạt động của khoa, đặc biệt là công tác hỗ trợ sinh viên trong các đợt thực tập thực tế và thực tập tốt nghiệp; duy trì mối liên hệ thường xuyên và tranh thủ sự ủng hộ của cựu sinh viên trong các hoạt động của khoa.

Nhóm giải pháp:

- Công tác quản lý: Hoàn thiện cơ cấu quản lý, phân công phân nhiệm cụ thể theo từng nhiệm vụ, tránh chồng chéo lên nhau. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các CB trợ lý giáo vụ, trợ lý SV, giáo viên chủ nhiệm lớp để các CB này có thể chủ động xử lý các vấn đề phát sinh trong mảng công tác của mình. Nắm vững các quy chế công tác sinh viên của trường, các quy trình công tác sinh viên; cơ chế đánh giá chất lượng, kết quả phân tích chất lượng Đoàn viên – Hội viên,...; tổ chức định kỳ và thực hiện buổi đối thoại giữa lãnh đạo khoa với sinh viên.
- Hỗ trợ sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học, đời sống, phong trào văn - thể - mỹ: duyệt và dự trù kinh phí cho các chương trình hoạt động của BCH Đoàn TN, Hội SV của khoa; tổ chức các buổi hướng dẫn sinh viên về phương pháp nghiên cứu khoa học, ... Động viên SV tham gia các đợt kiến tập, thực tập thông qua chương trình “Làm việc thử, công việc thật” vào mỗi mùa hè; các câu lạc bộ, đội, nhóm, chương trình ngoại khoá theo chuyên ngành, các hoạt động tình nguyện của trường. Khoa sẽ hỗ trợ SV hình thành 2 CLB (du lịch và môi trường)
- Phát triển mối quan hệ với doanh nghiệp và cựu sinh viên: Phối hợp với doanh nghiệp để tiếp nhận sinh viên thực tập tốt nghiệp, phát triển hình thức “thực tập thử việc”, đào tạo nghiệp vụ...
- Phát triển các mối quan hệ với cựu sinh viên; tổ chức các diễn đàn giao lưu, hướng nghiệp giữa cựu sinh viên và sinh viên; thành lập ban liên lạc cựu sinh viên của khoa.

Chỉ tiêu:

- 100% SV chấp hành và thực hiện theo Quy chế công tác sinh viên Trường ĐHKHXH&NV, Quy chế đánh giá điểm rèn luyện sinh viên;
- Phân công cán bộ phụ trách mảng khảo sát lấy ý kiến sinh viên; giới thiệu cán bộ trẻ (trong tuổi đoàn) tham gia BCH Đoàn khoa.
- Ban chủ nhiệm và Chi ủy khoa Địa lý họp giao ban định kỳ về công tác SV, đoàn thể với các lớp trưởng, BCH đoàn, Hội SV của khoa (định kỳ hàng quý)
- Vận động 100% sinh viên của khoa tham gia Tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm học; 100% sinh viên tham gia tối thiểu một chương trình học thuật do các tổ chức chính trị xã hội, các trung tâm tổ chức hàng năm; 50% sinh viên khoa tham gia các khoá học bồi dưỡng kỹ năng học đại học hiệu quả và các kỹ năng sống khác của trường; 80% sinh viên năm cuối tham gia các khoá học nâng cao kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng phỏng vấn xin việc, luật lao động, kỹ năng sử dụng các thiết bị văn phòng...); mỗi sinh viên tham gia ít nhất một hoạt động tình nguyện/ năm học.
- Thu thập các dữ liệu thông tin về cựu sinh viên; thành lập ban liên lạc cựu sinh viên của khoa; tổ chức đối thoại, gặp gỡ cựu sinh viên – sinh viên.

V.5.3. Xây dựng văn hoá đại học:

Mục tiêu cụ thể:

CBVC, sinh viên, học viên SĐH hiểu biết về “văn hoá đại học” và tự rèn luyện kiến thức về văn hoá và phép ứng xử văn minh, lịch sự trong môi trường đại học.

Nhóm giải pháp:

- Tham gia góp ý cho việc xây dựng quy trình, cơ chế, nhân lực để quảng bá, phát triển văn hoá đại học tại trường; xây dựng hệ giá trị, các biểu tượng, biểu trưng và tiêu chí văn hoá đại học trên các phương diện: nhận thức, tổ chức và ứng xử.
- Phổ biến và vận động các CBVC, sinh viên, học viên cùng tham gia xây dựng văn hoá học đường, văn hoá thẩm mỹ.

Chỉ tiêu:

- Tổ chức hàng năm các hoạt động tuyên truyền văn hóa đại học dưới hình thức hội thi, mạn đàm, nói chuyện chuyên đề.
- Không có sinh viên vi phạm các qui định liên quan đến hành vi, ứng xử.

V.6. Cơ sở vật chất

Mục tiêu:

- Tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có của Khoa
- Trang bị đủ để phục vụ các hoạt động của Khoa, tạo môi trường làm việc phù hợp cho cán bộ giảng viên trong điều kiện hiện có của Khoa, hỗ trợ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Giải pháp:

- Sắp xếp lại tủ sách, tăng hiệu suất sử dụng, nhất là tủ sách do AUF tài trợ
- Đổi mới, nâng cấp các thiết bị (máy tính, thiết bị phòng thí nghiệm)
- Mở rộng qui mô, nâng cấp hai phòng thí nghiệm (chuyển lên cơ sở Linh Trung) để phục vụ cho thực tập của sinh viên tốt hơn, đồng thời liên kết thực hiện các đề tài NCKH.

Chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Tủ sách của Khoa				
Phòng thí nghiệm	2	2	2	2
Máy tính	6	6	7	7

V.7. Đảm bảo chất lượng

Mục tiêu:

- Hoàn thiện công tác đảm bảo chất lượng
- Hoàn thiện hệ thống văn bản, các quy trình làm việc của Khoa
- Chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ phục vụ giảng dạy và nghiên cứu.

Giải pháp:

- Định kỳ họp tổ đảm bảo chất lượng (3 tháng/ lần)
- Thường xuyên rà soát việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ (lưu trữ hồ sơ hành chính, quản lý học vụ, quản lý sinh viên, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và kiểm định chất lượng)
- Tham gia các đợt kiểm định, hội nghị chất lượng của trường

Chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Tự đánh giá giữa kỳ cấp trường		x		
Tự đánh giá và đánh giá theo bộ TCKSCL nội bộ	x		x	
Lấy ý kiến người học	x	x	x	x
Dự giờ (20% số môn học/ học kỳ)	x	x	x	x
Tham dự Hội nghị chất lượng	x		x	
Điều chỉnh quy trình				

KẾT LUẬN:

Kế hoạch chiến lược phát triển khoa Địa lý được xây dựng dựa trên 7 chương trình chiến lược phát triển của trường ĐHKHXH&NV, có tính đến những đặc thù của khoa và tình hình phát triển của ngành Địa lý và Du lịch.

Kế hoạch này nhằm thực hiện mục tiêu phát triển của khoa là nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, tăng năng lực nghiên cứu của cán bộ, tăng hiệu quả ứng dụng của các đề tài nghiên cứu, mở rộng các quan hệ hợp tác.

Mục tiêu cuối cùng là đảm bảo chất lượng hoạt động theo các chuẩn quốc gia và khu vực, xây dựng khoa thành một đơn vị mạnh của một trường đại học nghiên cứu.

